

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-9-2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên;

2. Bà Nguyễn Thị Chinh;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991; trú tại: Thôn Tân Hiệp, xã Đliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Phạm Công T, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Tân Hiệp, xã Đliêya, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Chị H và anh T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 24/11/2008 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2022 cho tới nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên to tiếng với nhau, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho tới nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Công T.

Về con chung: Có hai con chung, cụ thể: Cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 và cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012. Các con chung phát triển bình thường. Nguyên vọng sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Phạm Công T trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Phạm Công T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như chị H trình bày. Anh T với chị H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 24/11/2008 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ đầu năm 2022 cho tới nay vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên to tiếng với nhau, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 cho tới nay. Nay, chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị H.

Về con chung: Có hai con chung, cụ thể: Cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 và cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012. Các con chung phát triển bình thường. Nguyên vọng sau khi ly hôn anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn anh Phạm Công T vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H với anh Phạm Công T.

Về con chung: Giao cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Giao cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Phạm Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị H, anh Phạm Công T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “Ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh T cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Đắk Lắk ngày 24/11/2008. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị H với anh T là hợp pháp. Vì vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong gia đình, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H với anh T đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho tới nay. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc nhưng chị H với anh T thường xuyên mâu thuẫn, to tiếng trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân chị H với anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị H.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung, cụ thể: Cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 và cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012. Các con chung phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Quế T; anh Phạm Công T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Như Y. Xét thấy, nguyện vọng của chị H, anh T phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, cần giao cháu Phạm Quế T cho chị H và giao cháu Phạm Như Y cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị Phạm Thị H, anh Phạm Công T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn nên nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011640 ngày 13/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “Ly hôn”. Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Phạm Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quế T, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Như Y, sinh ngày 21/11/2012 cho anh Phạm Công T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị Phạm Thị H, anh Phạm Công T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0011640 ngày 13/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị Phạm Thị H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
-
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải